

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Thành phố Hà Nội

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HS- ST

Ngày: 18 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Ngô Tiến Phong.**

Thẩm phán: **Ông Nguyễn Văn Phổ.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Triệu Quang Định, ông Trần Hán**

Và ông Phí Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Thiện- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Triệu Văn Doan- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 561/2018/TLST- HS ngày 10 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Ngh, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Xóm 1, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa: 12/12; con ông: Trần Văn V; con bà Phạm Thị T; có vợ Nguyễn Thị V (Đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2013; theo Danh chỉ bản số 0309 lập ngày 15/6/2018 tại Công an quận Cầu Giấy, thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt ngày 13/6/2018, hiện tạm giam tại trại giam số 1 Công an Hà Nội; số giam 2946Q1/19, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Kim Dung, Văn phòng luật sư Nguyễn Anh, Đoàn luật sư TP. Hà Nội, có mặt.

*** BỊ HẠI:**

1. Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1991; chỗ ở: Ấp B, xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Chị Dương Thị H, sinh năm 1993; Hộ khẩu: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Số 3 ngõ 2 phố Ng, Hà Nội, vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Bích Ng (Tức Phạm Quốc Ng), sinh năm 1993; Hộ khẩu: Khu 11 P, thị xã C, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Số 6/54/5 ngõ 6 phố Ng, quận B, thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 13/6/2018, Công an phường Trung H, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội nhận được đơn tố giác của bị hại Phạm Thị Bích Ng và ngày 14/6/2018, 30/7/2018, Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác của hai bị hại Dương Thị H, anh Đoàn Văn L tố cáo Trần Ng Ngh có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của họ thông qua việc nhận tiền để xin cho họ đi làm việc tại Australia.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của:

* Trần Ng Ngh gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động màu đen có chữ Masstel, số Imell 1: 3583...3825, số Imell 2: 3583...3833 và sim thuê bao số 0925186086 và 01282438591; 01 quyển hộ chiếu mang tên Dương Thị H, số C3732760, tại trang 16 có dán Thị thực nhập cảnh Australia visa mang tên Dương Thị H; 01 giấy phép lái xe mô tô, ô tô mang tên Trần Ng Ngh.

* Chị Phạm Thị Bích Ng gồm:

- 01 giấy biên nhận đề ngày 16/5/2018 thể hiện việc Ngh nhận số tiền 328.867.000 đồng của chị Ng; 01 giấy biên nhận đề ngày 28/5/2018 thể hiện việc Ngh nhận số tiền 328.000.000 đồng của chị Ng; 01 hợp đồng lao động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đề ngày 28/01/2018 thể hiện nội dung chị Phạm Thị Bích Ng ký hợp đồng đi làm việc với Trần Ng Ngh - Phó giám đốc Công ty Vietsun; 01 bản hợp đồng lao động đề ngày 01/02/2018 thể hiện nội dung chị Phạm Thị Bích Ng ký hợp đồng làm việc tại Công ty Vietsun với Trần Ng Ngh – Giám đốc Công ty Vietsun.

Sau khi tiếp nhận đơn, căn cứ các tài liệu thu thập được, ngày 19/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Ng Ngh về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra xác định: Với mục đích để có tiền, Trần Ng Ngh đã dùng thủ đoạn trực tiếp hoặc thông qua những mối quan hệ quen biết đưa ra thông tin gian dối: Gia đình Ngh có Công ty TNHH Vietsun, hiện đang hoạt động kinh doanh tại 4A Balmoral Avenue Springvale VIC 317, Melbourne, Australia, Ngh là Phó giám đốc, Công ty hiện đang có nhu cầu cần người sang Australia làm việc với mức lương hấp dẫn, Ngh cam kết làm được thủ tục cấp visa cho họ. Với thủ đoạn trên từ 6/2017 đến tháng 4/2018 Ngh đã chiếm đoạt tiền của những người sau:

I. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Dương Thị H: Khoảng tháng 6/2017, Trần Ng Ngh có quan hệ tình cảm với chị Dương Thị H, lợi dụng sự tin tưởng của chị H, Ngh đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H, Ngh nói với chị H là gia đình Ngh có Công ty TNHH Vietsun, hiện đang hoạt động kinh doanh tại Australia, Ngh mời chị H sang làm việc cho Công ty Vietsun với mức lương 5.300 USD/tháng. Để tạo thêm sự tin tưởng cho chị H, Ngh thuê một người phụ nữ (Ngh không biết nhân thân lai lịch) đến gặp chị H giới thiệu là mẹ của Ngh tên T hiện là Tổng giám đốc Công ty Vietsun, đồng thời Ngh đưa cho chị H ký 04 bản Hợp đồng lao động thể hiện việc chị H ký hợp đồng làm việc cho Công ty Vietsun tại Australia. Sau khi chị H ký hợp đồng, Ngh thu lại 03 bản với lý do Công ty Vietsun giữ 01 bản, 02 bản còn lại đem đến Đại sứ quán Australia làm thủ tục xin cấp Visa, còn 01 bản giao cho chị H (Chị H đã làm thất lạc). Ngh yêu cầu chị H phải đưa cho Ngh 80 triệu đồng để làm thủ tục xin cấp Visa cho chị H đi sang Australia làm việc tại Công ty Vietsun. Do tin tưởng Ngh, từ tháng 8/2017 đến tháng 10/2017, chị H đã nhiều lần đưa tiền cho Ngh với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị H, Ngh đã làm giả 01 Visa Australia (Thị thực nước Australia) và đưa cho chị H dán vào hộ chiếu của mình, Ngh hẹn chị H đến cuối tháng 10/2017 sẽ sang Australia làm việc. Để chị H không nghi ngờ, Ngh tiếp tục nói dối là Công ty Vietsun phải xử lý một số công việc tại Việt Nam nên bảo chị H đợi Ngh rồi cùng bay sang Australia. Số tiền chiếm đoạt được của chị H, Ngh đã chi tiêu cá nhân hết. Chị H đã làm đơn tố cáo và yêu cầu Ngh phải bồi thường số tiền là 80.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận giám định số 5756/KLGD-PC54(Đ4) ngày 06/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: Thị thực nhập cảnh “Australia visa” số CK 765117, cấp cho Dương Thị H dán tại trang 16 trên quyển hộ chiếu số C3732760 ***là thị thực nhập cảnh giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.***

II. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Phạm Thị Bích Ng và anh Đoàn Văn L: Để tiếp tục chiếm đoạt tiền, khoảng cuối tháng 12/2017, Trần Ng Ngh nói dối với chị H là cần thêm 02 người sang Australia làm việc cho Công ty Vietsun. Do tin tưởng Ngh nên chị H đã giới thiệu chị Phạm Thị Bích Ng là bạn học đại học cùng chị H và anh Đoàn Văn L là anh họ của chị H để họ trực tiếp trao đổi với Ngh. Khi gặp chị Ng và anh L, Ngh lại đưa ra thông tin mình là Phó giám đốc Công ty Vietsun tại Australia và làm được thủ tục cấp visa cho chị Ng, anh L sang Australia làm việc tại Công ty Vietsun với mức lương hấp dẫn. Ngh đưa chị Ng ký 01 bản hợp đồng lao động và 01 bản hợp đồng đưa người đi làm việc tại nước ngoài, trong đó thể hiện Ngh với tư cách là Phó Giám đốc Công ty Vietsun ký hợp đồng lao động với chị Ng để làm việc cho Công ty Vietsun tại Australia, Ngh yêu cầu chị Ng đưa số tiền 150.000.000 đồng và anh L đưa số tiền 10.000 USD để làm visa và được đi sang Australia làm việc. Do tin tưởng Ngh, chị Ng và anh L đã đồng ý chuyển tiền cho Ngh để được đi làm ở Công ty Vietsun tại Australia. Sau khi nhận tiền Ngh hẹn sẽ làm visa cho chị Ng và anh L.

* Từ ngày 20/01/2018 đến ngày 30/4/2018, chị Ng đã trực tiếp đưa tiền cho Ngh 03 lần và cùng gia đình chuyển tiền cho Ngh 06 lần vào tài khoản số 0451000334905 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Đỗ Văn Hùng, sinh năm: 1964, trú tại: Số 1 B, phường Q, quận Ba Đình, TP Hà Nội; các tài khoản số 19020048911015 tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (Techcombank), tài khoản số 0021000908034 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank); tài khoản số 1410205503506 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đều mang tên Lê Dân, sinh năm: 1974, trú tại: D1B6, phường Ng, quận Ba Đình, TP Hà Nội, với tổng số tiền là 328.790.200 đồng.

* Từ ngày 13/3/2018 đến ngày 24/4/2018, anh L đã 06 lần chuyển tiền cho Ngh vào tài khoản số 0021000908034 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Lê Dân với tổng số tiền là 230.990.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của chị Ng và anh L, Ngh không làm được visa để chị Ng và anh L đi sang Australia nên chị Ng đã yêu cầu Ngh viết giấy biên nhận tổng số tiền đã nhận và yêu cầu trả lại tiền nhưng Ngh không trả, chị Ng và anh L đã làm đơn tố giác Ngh gửi đến cơ quan Công an.

Hiện nay, chị Phạm Thị Bích Ng yêu cầu được bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 328.790.200 đồng; anh Đoàn Văn L yêu cầu được bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 230.990.000 đồng.

* Tại Bản kết luận giám định số 5703/KLGD-PC54(Đ4) ngày 02/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ng Ngh trên giấy biên nhận đề ngày 28/5/2018, chữ ký đứng tên Trần Ng Ngh trên giấy biên nhận đề ngày 16/5/2018, hợp đồng lao động đề ngày 01/02/2018 và hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đề ngày 28/01/2018 với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ng Ngh trên các mẫu so sánh ***là chữ do cùng một người viết và ký ra.***

Tại Cơ quan điều tra, Trần Ng Ngh đã khai nhận như trên.

- Đối với hành vi làm giả Thị thực nhập cảnh “Australia visa” số CK 765117, cấp cho Dương Thị H của Trần Ng Ngh rồi đưa cho chị Dương Thị H, theo Ngh khai: Ngh vào mạng tìm kiếm Thị thực nhập cảnh và điền tên Dương Thị H rồi in ra (không có dấu) và đưa cho chị H, xét thấy hành vi chưa đến mức phải xử lý về mặt hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Quá trình điều tra, xác định được anh Đỗ Văn Hùng và anh Lê Dân do quen biết với Ngh nên khoảng cuối năm 2017 đầu năm 2018 Ngh hỏi mượn tài khoản ngân hàng của 2 anh để sử dụng việc cá nhân. Tin tưởng Ngh nên anh Hùng, anh Dân đã cho Ngh mượn tài khoản của mình và không biết Ngh dùng tài khoản để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với chị Dương Thị H không biết, không tham gia và không được hưởng lợi từ việc Ngh thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Ng và anh L nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với người phụ nữ mà Ngh thuê đóng giả là mẹ Ngh, tên Tân giới thiệu là Tổng giám đốc Công ty Vietsun do chưa xác định được thông tin nhân thân lai lịch nên ngày 16/11/2018 Cơ quan điều tra ra Quyết định tách rút phần tài liệu liên quan để điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với chiếc điện thoại di động màu đen, mặt sau ghi chữ Samsung, có số Imell 1: 355113090202039/01, số Imell 2: 355114090202037/01 thu giữ của chị Dương Thị H xét thấy không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc điện thoại trên cho chị H.

Cáo trạng số 473/CT- VKS- P3 ngày 22.11.2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Trần Ngọc Ngh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được qui định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo nhận tội và khai lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung trên. Bị cáo xin chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình với pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, đã đề nghị với Hội đồng xét xử phạt bị cáo Trần Ngọc Ngh mức án từ 12 đến 13 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc Ngh phải trả lại tiền chiếm đoạt cho anh Đoàn Văn L số tiền là 230.990.000 đồng; cho chị Dương Thị H số tiền là 80.000.000 đồng và chị Phạm Thị Bích Ng 328.790.200 đồng

- Xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo, đây được xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung công. Trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe mô tô, ô tô mang tên Trần Ng Ngh; trả lại cho chị Dương Thị H 01 quyển hộ chiếu mang tên Dương Thị H, số C3732760.

Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh truy tố, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: Bị cáo lần đầu phạm tội, đã ra đầu thú, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn; từ nhỏ bị cáo đã thiếu sự chăm sóc và tình cảm của người cha; vợ chồng bị cáo đã ly hôn; mẹ bị cáo thì đã già lại đang nuôi con còn nhỏ cho bị cáo. Luật sư đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức Kiểm sát viên đề nghị.

Sau khi nghe các bên đề nghị;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự qui định. Trong giai đoạn điều tra và truy tố bị cáo đã từ chối luật sư bảo vệ quyền lợi cho mình.

[2] Về căn cứ buộc tội, Điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, chứng cứ thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 8/2017 đến tháng 4/2018, Trần Ngọc Ngh đã lợi dụng lòng tin của những người quen biết, đưa ra thông tin gian dối và chiếm đoạt được

tổng số tiền 639.780.200 đồng của 03 bị hại. Hành vi đó của bị cáo Trần Ngọc Ngh đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết định khung hình phạt: “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”.

Cáo trạng đã truy tố bị cáo Trần Ngọc Ngh về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã nêu ra khả năng đưa được những người quen biết sang Australia làm việc với mức lương 3500 USD/tháng và từ đó thu tiền phí. Thực tế bị cáo đã không có khả năng trên; sau khi nhận tiền của những người quen biết (Bị hại) bị cáo đã ăn tiêu hết, nay không còn khả năng trả lại cho bị hại. Hành vi phạm tội đó của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các cá nhân được pháp luật nhà nước bảo vệ; gây bức xúc, lo lắng cho nhân dân; ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cần căn cứ vào tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hậu quả gây ra để quyết định.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo lần đầu phạm tội, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú.

Với số tiền chiếm đoạt là 639.780.200 đồng của 03 bị hại, chưa bồi thường được một khoản tiền nào, nên Hội đồng xét xử thấy, cần thiết áp dụng mức hình phạt 12 năm tù như Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho 03 bị hại.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo, đây được xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung công. Trả lại bị cáo và bị hại giấy tờ tùy thân đang thu giữ.

[8] Bị cáo phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Ngh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Ngọc Ngh 12 (Mười hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/6/2018,

Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a, c khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc Ngh phải trả lại ngay số tiền sau đây cho từng bị hại cụ thể gồm:

1. Anh Đoàn Văn L số tiền là 230.990.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).
2. Chị Dương Thị H số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).
3. Chị Phạm Thị Bích Ng 328.790.200 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu bảy trăm chín mươi ngàn hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án của khoản tiền chưa thi hành xong.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng:

- *Tịch thu, sung công:* 01 chiếc điện thoại di động màu đen có chữ Masstel, số Imell 1: 3583...3825, số Imell 2: 3583...3833 (Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong).

- *Trả lại cho bị cáo:* 01 giấy phép lái xe mô tô, ô tô mang tên Trần Ng Ngh, có số 400114019035..

- *Trả lại cho chị Dương Thị H:* 01 Hộ chiếu mang tên Dương Thị H có số 03732760.

(Các vật chứng trên hiện Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đang quản lý theo biên bản nhận vật chứng ngày 18/12/2018 của Thủ kho Vũ Ngọc Phúc).

* **Án phí:** Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 31.980.000 đồng tiền án phí dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo và bị hại, vắng mặt bị hại, Tòa báo cho các bên biết quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản san Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, VKS cấp cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng TT- THAHN
- Văn phòng TAHN;
- Cục THA Dân sự TP Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Tiến Phong